

Bản án số: 285/2022/HN-PT

Ngày: 27/5/2022.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

2/ Ông Phan Trịnh Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1622/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 5654/2022/QĐ-PT ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Nhị Trà G, sinh năm 1981; Địa chỉ: 16/61 NTT, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Nam T, sinh năm 1978; Địa chỉ: RR1N Hồng Lĩnh, Phường D, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Thanh Q, sinh năm 1973; Luật sư Văn phòng luật sư NTL và Cộng sự BTL thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Trần Nam T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Nhị Trà G trình bày:

Bà và Ông Trần Nam T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/5/2020.

Vào năm 2007 bà và ông T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, Quận N theo giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 29/6/2007 nhưng đến năm 2019 bà và ông T đã thuận tình ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2019; sau đó bà đã đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B. Quá trình chung sống từ tháng 5/2020 đến nay bà đã rất cố gắng nhưng không hòa hợp được, luôn bất đồng quan điểm sống, tính cách trong nhiều việc như việc nuôi dạy con cái, bất đồng cách đối xử với quan hệ gia đình hai bên, đời sống hôn nhân không còn hòa hợp, đôi bên thường xuyên cãi nhau. Nay mâu thuẫn trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được, vợ chồng bà đã ly thân, không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 đến nay, vì vậy bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông T.

Con chung: Có 02 con chung tên: Trần Tiến M, sinh ngày 13/6/2008 và Trần Tấn L, sinh ngày 08/10/2012. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Tấn L và Trần Tiến M, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Ông Trần Nam T tại các biên bản hòa giải trình bày: Ông xác nhận quá trình vợ chồng kết hôn, chung sống, mâu thuẫn đúng như Bà G trình bày. Vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, nay Bà G xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn với Bà G vì ông không có sự chuẩn bị trước để lo cho tương lai của các con, chờ con lớn thêm một thời gian nữa không có ảnh hưởng đến con cái, ly hôn thì con cái khổ.

Con chung: Có 02 con chung tên: Trần Tiến M, sinh ngày 13/6/2008 và Trần Tấn L, sinh ngày 08/10/2012.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Nhị Trà G.

Quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Nhị Trà G được ly hôn Ông Trần Nam T.

Con chung: Giao con chung Trần Tiến M; sinh ngày 13/6/2008 cho Ông Trần Nam T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Trần Tấn L, sinh ngày 08/10/2012 cho Bà Nguyễn Nhị Trà G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Trần Nam T và Bà Nguyễn Nhị Trà G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Đối với cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Nam T và Bà Nguyễn Nhị Trà G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Bà G ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 01/3/2022, Ông Trần Nam T kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm số 63/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, vì theo ông nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm chưa đúng với sự thật khách quan, có căn cứ mới có thể làm thay đổi kết quả giải quyết của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông T thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các tài liệu, chứng cứ mới mà bị đơn nộp ở cấp phúc thẩm. Các tài liệu chứng cứ tại sơ thẩm có căn cứ và hợp pháp hay không.

Và đề nghị xem xét lại phần giao con cho nguyên đơn. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và cho lời khai tại Tòa án sơ thẩm rất sơ sài, không thể hiện căn cứ chứng minh vợ chồng có mâu thuẫn để cho ly hôn. Đối với con chung, cấp sơ thẩm chưa xem xét chính xác đến nguyện vọng của con mà nội dung đã được đánh máy sẵn, điền tên rất sơ sài. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn ly hôn của nguyên đơn, trong trường hợp cho ly hôn thì giao cả 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu Bà G cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Nam Tiến trình bày: Thống nhất với ý kiến của luật sư.

Nguyên đơn Bà Nguyễn Nhị Trà G trình bày: Ông T không trực tiếp nuôi con mà giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng vì ông T đi công tác nhiều. Do sự dạy dỗ của ông bà nội không đảm bảo, tôi không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm”.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Nam T nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thay đổi nội dung kháng cáo, xét thấy yêu cầu thay đổi kháng cáo của ông T không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo của ông T đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của Bà G để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy 02 con. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà G kiên quyết ly hôn, không muốn đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân, ông T cũng không đưa ra được phương án để có khả năng hàn gắn gia đình; Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên xác định hiện không còn chung sống, không chăm sóc nhau và không cùng nhau san sẻ trong cuộc sống gia đình. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay ông T và Bà G mỗi người sống 01 nơi, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đã xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, điều đó cho thấy việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho Bà G được ly hôn với ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Về con chung: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của Bà G và ông T là xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con của mình, tuy nhiên việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của các con về mọi mặt, đồng thời cũng xem xét tới nguyện vọng của các trẻ. Xét thấy Bà G và ông T đều đang có công việc và thu nhập ổn định để chăm lo cho con. Tuy nhiên, trẻ Trần Tiến M có nguyện vọng ở với cha, trẻ Trần Tiến L có nguyện vọng ở với mẹ. Mặt khác, nếu giao cả 02 trẻ cho 01 mình ông T hay Bà G nuôi dưỡng thì cũng sẽ gánh nặng cho mỗi người nên giao trẻ Trần Tiến M; sinh ngày 13/6/2008 cho Ông Trần Nam T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Trần Tấn L, sinh ngày 08/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Trà G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Cả ông T và Bà G đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: Bà G ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[3] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Nam Tiên. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nhị Trà G được ly hôn Ông Trần Nam T (Giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Nguyễn Nhị Trà G và Ông Trần Nam T không còn giá trị pháp lý).

Con chung: Giao con chung Trần Tiên M; sinh ngày 13/6/2008 cho Ông Trần Nam T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Trần Tấn L, sinh ngày 08/10/2012 cho Bà Nguyễn Nhị Trà G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Trần Nam T và Bà Nguyễn Nhị Trà G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Đối với cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Nam T và Bà Nguyễn Nhị Trà G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Bà G ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét

2/ Án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Nhị Trà G phải chịu án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2021/0018101 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Nam T phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phích đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số số 0018388 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND Quận N, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận N, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

